TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 117/2025/HNGĐ-PT
Ngày: 15/8/2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tiến Dũng.**
Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Yên**;
Bà **Khuất Thị Phương Lan**.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông **Hà Quang Bách** - Thư ký Tòa án nhân dân TP Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:*** Bà **Nguyễn Thị Phương Lan** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 78/2025/LHPT ngày 27/6/2025 về việc "Ly hôn".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 214/2025/HNGĐ-ST ngày 11/4/2025 của Toà án nhân dân quận H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 50/2025/QĐ-PT ngày 30/7/2025, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn*: *Ông **Trần Văn H, sinh năm 1956*** – Có mặt.

CCCD số 03********** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về TTXH cấp ngày 05/4/2021.

Địa chỉ: C ngõ H, phường B, thành phố Hà Nội.

** Bị đơn*: *Bà **Đinh Thị Thu T, sinh năm 1969*** – Có mặt.

Địa chỉ: C ngõ H, phường B, thành phố Hà Nội.

CCCD số 02********** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về TTXH cấp ngày 29/4/2021.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ – Luật sư thuộc Công ty L – Có mặt.

Người kháng cáo: Bà Đinh Thị Thu T – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông **Trần Văn H** trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân và tình cảm: ông Trần Văn H và bà Đinh Thị Thu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 18/3/1991 tại UBND phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Trước khi kết hôn chưa ai có vợ, có chồng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, sau đó chuyển lên Hà Nội và hiện nay trú tại số I tổ B ngõ H, phường M, quận H, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống bình thường đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, không phù hợp về vấn đề tâm sinh lý. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn vẫn tiếp tục kéo dài, không thể hàn gắn được. Từ năm 2020, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2024 đến nay, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt dược, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu nên ông xin ly hôn với bà T để sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Ông H và bà T có hai con chung là Trần Minh H1, sinh ngày 07/7/1991 và Trần Minh D, sinh ngày 12/4/1997. Con chung Trần Minh H1 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), sức khỏe bình thường, khi ly hôn ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Trần Minh D đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), có thời gian cháu D phải uống thuốc trầm cảm. Bà T yêu cầu giải quyết nuôi con thì ông đồng ý nuôi cháu D.

- Về cấp dưỡng: Ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Sau đó ông H thay đổi yêu cầu, không yêu cầu giải quyết về con chung.

- Về nhà ở chung, tài sản chung: Ông và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung của vợ chồng: Ông và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Tại bản tự khai và trong các lời khai khác tại Tòa án bị đơn bà **Đinh Thị Thu T** trình bày:*

Bà và ông Trần Văn H kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 18/3/1991 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Trước khi kết hôn chưa ai có vợ có chồng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Đến năm 1998, ông H cùng con trai đầu chuyển đến Hà Nội sinh sống do chuyển công tác, còn bà và con gái vẫn sinh sống tại Quảng Ninh nhưng vẫn thường xuyên lên Hà Nội để thăm nom ông H và con. Đến năm 2006, bà chuyển hẳn lên Hà Nội sinh sống cùng ông H. Đến năm 2009, gia đình bà chuyển về sinh sống tại địa chi số I tổ B ngõ H, phường M, quận H, thành phố Hà Nội cho đến nay. Bà không đồng ý với trình bày của ông H về mâu thuẫn vợ chồng. Thực tế, quá trình chung sống, vợ chồng có những mâu thuẫn nhỏ nhưng không nghiêm trọng, có thể hàn gắn được. Từ tháng 5/2024, ông H vào Đ làm nhà, bà phát hiện ông H có quan hệ tình cảm với người khác, ông H yêu cầu ly hôn với bà nên vợ chồng xảy ra

mâu thuẫn. Bà đã cung cấp tài liệu về việc ông H có quan hệ tình cảm với người khác cho Tòa án. Bà không đồng ý ly hôn với ông H và vẫn tha thứ cho sai lầm của ông H để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm. Nay ông H xin ly hôn bà không đồng ý ly hôn vì bà vẫn còn tình cảm với ông H.

- Về con chung: Bà và ông H có hai con chung là Trần Minh H1, sinh ngày 07/7/1991 và Trần Minh D, sinh ngày 12/4/1997. Con chung Trần Minh H1 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), sức khỏe bình thường, khi ly hôn bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Trần Minh D đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), tuy nhiên bị bệnh tâm thần phân liệt, trầm cảm, trường hợp vợ chồng ly hôn bà đồng ý để ông H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Minh D.

Tòa án có yêu cầu bà cung cấp tài liệu, chứng cứ về tình trạng bệnh của con chung Trần Minh D nhưng do cháu D không hợp tác và ông H đang giữ một số tài liệu bệnh án nên bà không có tài liệu, chứng cứ đề nộp cho Tòa án.

- Về nhà ở chung, tài sản chung: Bà và ông H chưa thỏa thuận được về phần tài sản chung. Hiện nay bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản.

- Về công nợ chung của vợ chồng: Bà và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà đồng ý để ông H chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy dịnh của pháp luật.

Ngoài ra, bà Đình Thị Thu T1 không có yêu cầu nào khác.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 214/2025/HNGĐ-ST ngày 11/4/2025 của Toà án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Văn H đối với bà Đinh Thị Thu T. Ông H được ly hôn bà T.

2. Về con chung: Xác nhận ông H, bà T có hai con chung là Trần Minh H1, sinh ngày 07/7/1991 và Trần Minh D, sinh ngày 12/4/1997. Cả hai con chung đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), sức khỏe anh Minh H1 bình thường. Bà T có trình bày chị Minh D bị tâm thần phân liệt, trầm cảm nhưng không có tài liệu, chứng cứ cung cấp cho tòa án. Ông H, bà T trình bày chị Minh D hiện vẫn đi làm giao nhận hàng, có thu nhập hàng tháng. Ông H xác nhận chị Minh D khỏe mạnh bình thường không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Giành quyền khởi kiện cho ông H, bà T về việc xem xét con chung Minh D bị mất năng lực hành vi dân sự và cấp dưỡng nuôi con trong vụ án khác khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: ông H, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/4/2025, bà Đinh Thị Thu T nộp đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án và đề nghị được đoàn tụ với ông Trần Văn H.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đinh Thị Thu T xác định chỉ kháng cáo về quan hệ hôn nhân, xin được đoàn tụ, ngoài ra bà không kháng cáo vấn đề nào khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T sau khi phân tích đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T vì việc ông H đầu tư, kinh doanh thua lỗ ảnh hưởng đến kinh tế của vợ chồng, ông H làm nhà trong Đ có quan hệ nam nữ do vậy xin ly hôn với lí do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng là chưa có căn cứ. Cần phải có khoảng thời gian nhất định để ông bà nhìn nhận lại cuộc sống chung vợ chồng vì ông bà đều đã cao tuổi. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu xin ly hôn của ông H.

Ông H không nhất trí với kháng cáo của bà T và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết nội dung vụ án, đồng thời giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về chấp hành pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đương sự đã thực hiện tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Bà T làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tạm ứng án phí kháng cáo hợp lệ.

Về nội dung: Sau khi phân tích đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân quận H.

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Bà T nộp đơn kháng cáo và tạm ứng án phí kháng cáo trong thời hạn quy định của pháp luật, nên kháng cáo của bà được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bà T xin đoàn tụ với ông H, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Bà Đinh Thị Thu T và ông Trần Văn H kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 18/3/1991 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh là hôn nhân hợp pháp. Khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Đến năm 1998, ông H cùng con trai đầu chuyển đến Hà Nội sinh sống do chuyển công tác, còn bà và con gái vẫn sinh sống tại Quảng Ninh. Đến năm 2009, gia đình bà chuyển về sinh sống tại địa chỉ số I tổ B ngõ H, phường M, quận H, thành phố Hà Nội cho đến nay. Quá trình chung sống thời gian đầu bình thường, đến khoảng năm 2000 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và kéo dài cho đến nay

do bất đồng về quan điểm sống và nuôi dạy con chung. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định quá trình chung sống vợ chồng ông H bà T đã phát sinh mâu thuẫn kéo dài, trầm trọng là có căn cứ. Theo tài liệu có trong hồ sơ cũng như lời trình bày của ông H bà T tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy ông H và bà T nghi ngờ lòng chung thủy của nhau từ đó khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn trở nên trầm trọng, kéo dài. Mặt khác, việc đầu tư kinh doanh của ông H thua lỗ cũng làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích của bà T cũng xác định trong quá trình bảo vệ quyền lợi cho bà T có trao đổi với ông H và biết được ông H có ý định sau khi làm nhà trong Đ thì sẽ ly hôn bà T. Như vậy có thể thấy rằng việc ly hôn bà T không phải là ý định nhất thời của ông H. Từ tháng 5 năm 2024, vợ chồng ông H bà T sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Bà T kháng cáo xin được đoàn tụ với ông H, tuy nhiên không có biện pháp cải thiện, không có sự chủ động để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy mâu thuẫn giữa ông H và bà T đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà T.

Về con chung, tài sản chung, nhà ở chung và vay nợ chung của hai vợ chồng: các đương sự không có kháng cáo, Viện Kiểm sát không có kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm của Toà án nhân dân quận H.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3].Về án phí phúc thẩm: Bà T phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 38, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Nghị Quyết số 01/2024NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình.

Xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Đinh Thị Thu T. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 214/2025/HNGĐ-ST ngày 11/4/2025 của Toà án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội. Cụ thể:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Văn H đối với bà Đinh Thị Thu T. Ông H được ly hôn bà T.

2. Về con chung: Xác nhận ông H, bà T có hai con chung là Trần Minh H1, sinh ngày 07/7/1991 và Trần Minh D, sinh ngày 12/4/1997. Cả hai con chung đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), sức khỏe anh Minh H1 bình thường. Bà T có trình bày chị Minh D bị tâm thần phân liệt, trầm cảm nhưng không có tài liệu, chứng cứ cung cấp cho tòa án. Ông H, bà T trình bày chị Minh D hiện vẫn đi làm giao nhận hàng, có thu nhập hàng tháng. Ông H xác nhận chị Minh D khỏe mạnh bình thường không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Giành quyền khởi kiện cho ông H, bà T về việc xem xét con chung Minh D bị mất năng lực hành vi dân sự và cấp dưỡng nuôi con trong vụ án khác khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: ông H, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho ông Trần Văn H.

Về án phí ly hôn phúc thẩm: Bà Đinh Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng bà T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 00**** ngày 23/6/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận H, thành phố Hà Nội. Bà T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND khu vực 3, thành phố Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 3, TP Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Tiến Dũng